

CÁC HANG ĐỘNG VÀ MÁI ĐÁ TRONG CÁC VÙNG KARST VỚI CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI TIỀN SỬ Ở VIỆT NAM

PTS. Nguyễn Thế Hoa

Viện Khoa học xã hội Việt Nam

Xét trên quan điểm khảo cổ học, các vùng karst có ý nghĩa đặc biệt rất đáng quan nghiên cứu. Chính các hang động và mái đá trong các vùng karst đã là nơi cư trú thời gian khá dài của người tiền sử mà dấu tích còn để lại là rất nhiều di chỉ khảo cổ các nền văn hóa xa xưa đã tồn tại trên lãnh thổ nước ta.

Bài viết này bàn đến hai vấn đề:

- 1- Vì sao người tiền sử lại dùng các hang động và mái đá trong các vùng karst làm cư trú và họ đã cư trú ở đó từ bao giờ ?
- 2- Cuộc sống của người tiền sử diễn ra như thế nào trong các hang động và mái đá các vùng karst.

1. Vì sao người tiền sử lại dùng các hang động và mái đá trong các vùng karst làm cư trú và họ đã cư trú ở đó từ bao giờ?

Các tài liệu khảo cổ đã xác nhận rằng vào thời kỳ đồ đá cũ ở Việt Nam, người tiền sử sống trên những gò đất cao ven rìa đồng bằng châu thổ đã ổn định và trên các thềm thoai thoải. Những nơi đó đã tạo nên cho con người một địa thế dễ dung hòa với quan thiên nhiên cả về phía sau và phía trước, mà phía sau là rừng mưa nhiệt đới không phù hợp với cuộc sống con người bởi muỗi, vắt... và biết bao căn bệnh cố hiểm nghèo lan tràn không hạn chế và phía trước là biển cả với những dải rừng mặn, sinh lầy của vùng châu thổ chưa ổn định cũng là môi trường không thuận lợi cho người.

Nhưng sau đó, người tiền sử lại lùi về cư trú trong các hang động ở những miền núi đóng kín, chật hẹp. Vậy vì sao người tiền sử lại có "sự rút lui" về địa bàn cư trú thế trong khi chúng ta chấp nhận xu hướng của con người là tiến về những vùng đất và lấn dần ra biển với những thềm sông và những gò đất cao nằm sát vùng rìa châu thổ nhiều, lắm cá...?

Năm 1931, trước khi phát hiện di chỉ Giáp Khẩu (thuộc Văn hóa Hòa Bình) và Đa thuộc Văn hóa Bắc Sơn), M. Còlani rất ngạc nhiên vì thấy con người xưa lại cư trú các hang động là vùng không mấy thuận lợi cho cuộc sống. Trên cơ sở nghiên cứu tích, M. Còlani đưa ra giả thuyết đồng bằng sông Hồng lúc đó có thể là một vịnh

Năm năm sau (1936), P. Gourou đã đưa ra giả thuyết có tính chất khẳng định hơn.

Theo ông, có hai giai đoạn hình thành châu thổ sông Hồng:

- Giai đoạn 1 thuộc thời kỳ Mo-na-xtê-ri phù hợp với băng hà Wurm. Đó là biển thoái phát hiện rất rõ ở phía nam Biên Đông với nhiều đồng bằng lớn giữa biển chìm ngập nay lại nổi lên và nối liền nhau.

- Giai đoạn 2 thuộc thời kỳ biển tiến Flandrian phù hợp với giai đoạn gian băng cùng, ứng với thời đại đồ đá giữa, biển lại tiến vào nền châu thổ cũ tạo thành vịnh nông. Toàn bộ hệ thống sông suối trong toàn vùng bị đẩy ngược dòng hoặc cân bằng do chảy làm trầm ngập thung lũng. Trong hoàn cảnh ấy, con người không thể sống đông trong một không gian co hẹp lại bị sự đe dọa của nước từng ngày. Do vậy, các tập đoàn người cổ đã ngược lên sườn các núi đá vôi để cư trú trong các hang động và mái đá.

Theo chúng tôi, việc người cổ bị "đẩy lùi" về các hang đá vôi không phải là sự chọn tùy ý và cũng không do tác động mạnh của nguyên nhân kinh tế nào đó của thời kỳ này. Hang động không phải là nơi định cư lí tưởng như các thềm sông, nhưng trong hoàn cảnh lúc bấy giờ vẫn là địa bàn cư trú tốt nhất.

Ở lưu vực sông Hồng, người cổ rút lên các hang đá vôi vùng Hòa Bình, Bắc Sơn. Trong khi đó, cư dân ở lưu vực sông Mêcông phải trèo lên những vùng đất cao hơn, không là các hang động thì cũng phải rút lên những vùng đất có độ cao tối thiểu là +10m so với mặt biển (cơ thể là trên thềm III sông Mêcông hoặc vùng Bảy Núi thuộc An Giang ngày nay).

Như vậy, việc các hang động và mái đá trong các vùng karst đã được người cổ dùng làm nơi cư trú diễn ra vào thời kỳ biển tiến Flandrian. ý kiến này hiện nay được các nhà nghiên cứu tán thành. Nhưng có một số người có quan điểm khác về nguyên nhân của việc người cổ dùng các hang động và mái đá trong các vùng karst làm nơi cư trú không phải vì lý do biển tiến. Chẳng hạn, Nguyễn Đức Tùng (1976) cho rằng nếu văn hóa Hòa Bình nằm trong giai đoạn hình thành lớp laterit trẻ ở đồng bằng Bắc Bộ thì rõ ràng là người đương thời không sống ở đồng bằng (lý do không phải do biển tràn ngập, mà do khí hậu khắc nghiệt, thiếu nước). Người cổ sống trong các hang đá vôi thuận lợi nhiều vì trong hang rất mát mẻ lại có nguồn nước phong phú. Nhưng cho dù người cổ dùng các hang động và mái đá của các vùng karst làm nơi cư trú do những nguyên nhân nào đi nữa thì hiển nhiên ta vẫn phải công nhận một thực tế là các hang động đã được người cổ dùng làm nơi cư trú. Điều này đã được các tài liệu khảo cổ chứng minh rất rõ. Người cổ trong thời kỳ lịch sử này đã sáng tạo ra một nền văn hóa đồ đá mà đầu tiên được M. Còlani phát hiện ra và đặt tên là Văn hóa Hòa Bình mà sau này được nhiều nhà nghiên cứu gọi là nền văn hóa hang động.

Cho đến nay, người ta đã khám phá ra 117 hang và mái đá có tầng Văn hóa Hòa Bình mà trong số đó có 33 địa điểm có di cốt của người cổ. Điều này khẳng định chắc chắn rằng thời kỳ lịch sử xa xưa, con người đã dùng các hang động và mái đá trong các vùng karst làm nơi cư trú. Các hang động và mái đá có người cổ Hòa Bình cư trú trung nhiều nhất ở Hà Sơn Bình (72 địa điểm) và Thanh Hóa (32 địa điểm), chiếm 83% số di tích Văn hóa Hòa Bình đã được phát hiện, còn lại rải rác ở Hà Nam Ninh, Nghệ An, Tĩnh, Bình Trị Thiên, Sơn La, Lai Châu, Bắc Thái và Quảng Ninh. Trong số 117 địa điểm thì 90 địa điểm là hang động và 27 địa điểm là mái đá. Các hang động và mái đá đã được người cổ Hòa Bình cư trú phân bố thành từng cụm. Mỗi cụm có 3-10 địa điểm.

điểm trong mỗi cụm phân bố liên khoảnh, chiếm cứ một hay vài ba thung karst có lối lên thung đi lại dễ dàng và thường rất gần một dòng suối nào đó.

Tụ cư thành cụm trong các thung karst liên khoảnh là một đặc điểm tập hợp cộng đồng cư dân Văn hóa Hòa Bình. Các hang động Hòa Bình phân bố ở các độ cao khác nhau. Một số hang cao trên 200m so với mặt thung lũng như hang Tăng, hang Tùng, hoặc hang 100m như hang Sùng Sầm. Nhưng cũng có hang chỉ cao vài mét như hang Tôm, mái đá Báng... Đại đa số ở độ cao 10-20m so với mặt thung lũng. Thống kê 72 di chỉ hang động Hòa Bình cho thấy 60% hang động nằm ở độ cao 10-20m. Cửa các hang này có một hướng nhất định. Thống kê 67 di chỉ thấy 37,3% hang có cửa hướng đông nam, 20,8% hướng tây bắc, 11,3% hướng nam, 4,4% hướng chính Tây và chính Đông, không có hang nào có cửa hướng bắc. Với con số thống kê trên cho thấy hướng cửa hang có ý nghĩa thật sự với cư dân thời cổ. Đó là việc tiếp nhận ánh sáng, nhiệt và gió mát, đồng thời tránh mùa đông bắc. Từ thống kê trên cho thấy 53,6% hang động của người cổ Hòa Bình tiếp nhận ánh sáng và nhiệt mặt trời vào buổi sáng và 46,4% hang vào buổi chiều. Có tới 1% hang có thể tránh được gió lạnh mùa đông theo hướng bắc và đông bắc thổi tới.

Như ta đã biết, trong các vùng karst ở nước ta có rất nhiều hang động, song không có bất kỳ hang động nào cũng được người cổ Hòa Bình cư trú. Có hang vết tích tụ cư dài với tầng văn hóa dày tới 3,5m đến 4m như hang Con Moong, Mái đá Điều... có hang chỉ tụ cư tạm thời và có hang không có vết tích cư trú. Phải chăng, người cổ Hòa Bình có ý thức chọn các hang cao ráo, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, đảm bảo đủ nhiệt và ánh sáng trong ngày, phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm ở miền núi đá vôi của nước ta.

2. Cuộc sống của người tiền sử diễn ra như thế nào trong các hang động và mái đá vùng karst? Trong phần này chỉ trình bày những vấn đề chung nhất về hoạt động kinh tế chức xã hội và văn hóa tinh thần của người cổ Hòa Bình.

Hoạt động kinh tế của xã hội nguyên thủy thực chất là cách thức tìm kiếm thức ăn, quyết vấn đề lương thực. Dựa vào các tư liệu khảo cổ học, đa số các nhà nghiên cứu cho rằng phương thức săn bắn-hái lượm là phương thức kiếm ăn chủ đạo của các tập đoàn người Văn hóa Hòa Bình. Săn bắn và hái lượm đặc trưng cho giai đoạn kinh tế nguyên thủy, khai thác tự nhiên, nhờ vào tự nhiên. Những dấu tích hoạt động săn bắn và hái lượm của người cổ hiện còn giữ lại trong tầng văn hóa các di chỉ hang động Hòa Bình. Đó là tàn tích di cốt động vật, các loại vũ cụ nhọn thẻ, cày, cuốc, xương cá... mà người xưa săn bắt được, đã dùng vào bữa ăn và vứt lại nơi cư trú sau bữa ăn.

Thống kê thành phần giống loài động vật trong các di chỉ Hòa Bình cho thấy rằng, lần cổ thời đó săn bắt rất nhiều loài động vật khác nhau như vượn, các loài khỉ, nhím, chuột, voi, tê giác, lợn rừng, nai, hoẵng, hươu, cheo cheo, dê, trâu rừng, bò rừng, chó, chồn lửng, vôi hương, hổ, mèo... Những giống loài động vật này về cơ bản khác gì giống loài động vật hiện đang tồn tại ở vùng núi Việt Nam là đối tượng săn của đồng bào các dân tộc ít người ở khu vực này. Với bảng liệt kê thành phần di cốt động vật trong các hang động cũng như đặc thù săn bắn của họ có thể khẳng định rằng người cổ Hòa Bình thuộc cư dân săn bắt đa tạp trong điều kiện có khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, nghĩa là săn bắt theo phổ rộng.

Một đặc điểm khác đáng lưu ý về hoạt động săn bắn của người cò Hòa Bình là tổ chức săn bắn và phân phối sản phẩm săn bắn được. Trong các hang động Hòa Bình ngoài di cốt các động vật nhỏ như nhím, dơi, chuột... ra, hiện chưa gặp di cốt đầy đủ một động vật lớn nào. Có thể người cò đã ăn hầu hết số thịt của động vật lớn ở những hang động, nơi họ hạ sát con mồi hoặc phân chia số thịt động vật lớn ngoài hang để cho các tập đoàn người cò cư trú ở nhiều hang động khác nhau. Rõ ràng, những người thợ săn chỉ mang về hang một phần nào đó của con thú lớn, phần thịt dành cho các thành viên của họ.

Đối tượng hoạt động hái lượm của người cò Hòa Bình khá phong phú bao gồm động vật nhỏ, trứng chim, chim non, nấm, hoa quả, rau củ và đặc biệt là động vật thân mềm trong đó phổ biến là ốc sủi và ốc núi. Trong các hang động Văn hóa Hòa Bình thường thấy chất đầy vỏ các loài trai ốc. Đó là tàn tích bỏ lại nơi cư trú, sau bữa ăn của người cò Hòa Bình và là tàn tích chính mà chúng tôi biết hiện nay về đối tượng hái lượm của người cò Hòa Bình. Ngoài vỏ trai ốc, trong các hang động còn có các tàn tích khác như cangk cua, vỏ cua, xương cá, mai rùa, ba ba... Đó cũng là đối tượng hái lượm của cư dân Hòa Bình.

Hàng nghìn năm khai thác các loài nhuyễn thể, chắc chắn cư dân Hòa Bình đã hiểu sâu sắc điều kiện sinh thái của chúng và họ tiến hành khai thác chúng theo mùa. Quan sát cột địa tầng một số di chỉ Văn hóa Hòa Bình thấy rằng có sự đan xen giữa các lớp ốc sủi và ốc núi hoặc giữa các thành phần chủ yếu là ốc núi và lớp thành phần chủ yếu là ốc sủi. Điều này gợi cho ta liên tưởng đến mùa khai thác động vật thân mềm của người cò Hòa Bình.

Cùng với việc tìm, bắt các loài động vật thân mềm, việc hái lượm thực vật đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của người cò Hòa Bình và có thể khẳng định kinh tế hái lượm trội hơn kinh tế săn bắt.

Buổi ban đầu, người cò sống trong hang động chỉ biết thừa hưởng những sản phẩm thiên nhiên thông qua hái lượm. Về sau do cư dân tăng, hoạt động săn bắt, hái lượm không tăng làm cho thú, cây quả... giảm dần. Điều đó buộc người xưa phải tìm cách thuần hóa cây cối và thuần dưỡng động vật, tạo nên tiền đề cho nền kinh tế sản xuất ra đời. Bước chuyển của nền nông nghiệp ra đời trong Văn hóa Hòa Bình là ở một số hang, người cò tìm thấy trong tầng văn hóa dấu tích các hạt thóc (chẳng hạn hang Xóm Trại). Đến nay chúng ta thấy mẫu hạt ở Xóm Trại lớp sâu với các giống hiện đại thấy có một số giống tương tự nhưng kích thước không hoàn toàn giống nhau. Trái lại, các mẫu hạt ở lớp trên thì giống rất nhiều với giống hiện đại về hình dáng và kích thước hạt.

Công cụ của người cò Hòa Bình là công cụ đá cuội như rìu dài, rìu hạnh nhân, rìu ngắn, rìu mài lưỡi... Trong các tầng Văn hóa Hòa Bình trong các hang động, số lượng nguyên liệu còn lại ít hơn rất nhiều so với công cụ đá và mảnh tước. Có lẽ việc chọn nguyên liệu được tiến hành trên bãi cuội tự nhiên gần cửa hang. Người cò chủ yếu mang về hang những viên cuội đủ tiêu chuẩn hình dáng và chất liệu, phù hợp với nhu cầu tác công cụ. Trong các hang động còn gặp một số viên cuội vỡ hoặc chỉ ghè đôi chút nhưng không có dấu vết tu sửa hoặc sử dụng. Những phế liệu loại này gợi ra rằng, việc ghè tước tại hang có một số trường hợp không đạt kết quả, chưa thỏa mãn loại hình chức năng của công cụ mà con người mong muốn. Chúng bị loại bỏ. Có thể do hình dáng, chất liệu đá

ng có thể do sơ suất của người thợ ghè đá.

Mảnh tước có số lượng lớn hơn các nhóm di vật khác. Điều đó cho rằng, người cổ Hòa Bình đã chế tác công cụ tại nơi cư trú. Mảnh tước thường tập trung với mật độ cao trong phạm vi hẹp, cạnh bếp lửa, hoặc gần cửa hang, hoặc xung quanh tảng đá lớn trung tâm. Điều đó cho thấy, việc chế tác công cụ đã được tiến hành có tổ chức, có sự sắp xếp các hoạt động thường ngày của người xưa.

Người cổ Hòa Bình đã biết dùng lửa để sử lý thức ăn và sưởi ấm. Trong các hang động, vết tích bếp thường còn lại là một đồng tro có hình tròn hoặc gần tròn, đường kính khác nhau và phân bố ở trung tâm hoặc xê về cửa hang. Ở các di tích Hòa Bình muộn, số lượng bếp trong một hang động thường nhiều lên và kích thước bếp thường nhỏ đi. Sự thay đổi đó có lẽ liên quan đến số lượng thành viên trong một đơn vị cư trú. Nếu ta coi bếp lớn chiếm gần hết diện tích hang ở tầng Văn hóa Sơn Vi là của một gia đình gồm nhiều thế hệ, thì những bếp nhỏ trong các di chỉ Hòa Bình là dấu hiệu của một gia đình nhỏ. Mỗi hang động Hòa Bình là một đơn vị cư trú, có thể tương ứng với một "làng". Ở đó cư trú một gia đình lớn hoặc một số gia đình nhỏ. Gia đình là một đơn vị cơ bản của xã hội. Trong mỗi gia đình gồm một cặp vợ chồng gốc với con cái của họ. Chủ gia đình là cặp vợ chồng gốc có vai trò quan trọng trong kết cấu xã hội thời Hòa Bình.

Như trên đã trình bày là trong Văn hóa Hòa Bình có rất nhiều di tích hang động, mỗi đơn vị cư trú hay nhiều "làng". Các di tích đó phân bố thành từng cụm, từng nhóm. Trong mỗi cụm này các di tích Hòa Bình khá đồng nhất về văn hóa, ổn định về kỹ thuật chế tác công cụ và tương đồng về phong tục mai táng. Điều đó thể hiện những mối liên hệ chặt chẽ, ổn định và đồng nhất về mặt văn hóa giữa các đơn vị cư trú, các làng trong một nhóm. Ở mỗi cụm di tích này lại có một hang có tầng văn hóa dày, hiện vật phong phú. Tư liệu này gọi cho ta hình ảnh các làng "con" được tách ra từ các làng "mẹ" và làng "gốc". Phương thức tập hợp dân cư của người cổ Hòa Bình thể hiện rõ ràng là dựa trên quan hệ huyết tộc và quan hệ địa vực trong đó quan hệ huyết tộc đóng vai trò quan trọng hơn. Làng của người cổ Hòa Bình vận động theo không gian và thời gian, đến lúc nào đó quan hệ huyết tộc và quan hệ địa vực nhòa đi, hòa cùng nhau thì ranh giới giữa các nhóm người khó có thể nhận ra những khác biệt lớn.

Sự cảm thụ thế giới xung quanh của người Hòa Bình rất nhạy bén, trong đó người là trung tâm, là vĩnh hằng, linh thiêng và vô cùng cao quý. Nhận thức như thế về con người thể hiện rõ qua việc cư xử với người chết của thân nhân họ. Tư liệu về mộ táng thời này cho thấy người cổ Hòa Bình chôn cất người chết ngay nơi cư trú trong các hang động. Mộ được chôn không sâu lắm. Có mộ chôn một người, có mộ chôn nhiều người. Trong nhiều trường hợp, người chết được chôn nằm co hoặc bó gối hoặc trong thế ngồi xồm xệ về thướ sơ sinh và tư thế nghỉ ngơi lúc đang sống. Phần lớn mộ được kê đá, được rải bằng than củi hoặc vỏ các loài nhuyễn thể, chôn theo công cụ lao động bằng đá, bằng xương hoặc vỏ trai, đôi khi có cả đồ trang sức bằng ốc biển, răng của một số động vật. Tư tưởng này như vậy với người đã chết, người cổ Hòa Bình đã thể hiện một sự giao cảm sâu sắc giữa người đã khuất. Họ muốn rằng người chết luôn gần gũi họ, muốn người chết cùng ở chung một bếp lửa. Cái chết là sự nghỉ ngơi bất tận. Người chết cũng có một giới riêng, một thế giới lao động cần công cụ, một thế giới cần đến cái đẹp, một thế

giới vĩnh hằng. Thế giới quan của người cổ đã vượt ra ngoài nhận thức trực quan, bước vào thế giới trừu tượng đa dạng và phức tạp.

Người cổ Hòa Bình chưa có chữ viết nhưng họ có một loại kí hiệu và hình vẽ trên đồ gốm để ghi lại những kỉ ức về quá khứ, để miêu tả tính hiện thực của thế giới xung quanh. Dân Hòa Bình đã sử dụng các hình học mang tính ước lệ, tính biểu tượng để thể hiện thế giới động thực vật trong đó có cả con người. Ở đây ít nhiều đã có sự kết hợp giữa những khái niệm trừu tượng với những sáng tác miêu tả hiện thực thế giới xung quanh.

Nói tóm lại, các hang động và mái đá trong các vùng karst ở Việt Nam đã có người tiền sử dùng làm nơi cư trú một cách phổ biến vào thời kỳ biển tiến Flandrian, tràn ngập các vùng đồng bằng châu thổ, khiến người tiền sử phải rút về cư trú tại các hang động và mái đá trong các vùng karst. Trong giai đoạn sớm, cuộc sống của người tiền sử trong các hang động và mái đá hoàn toàn dựa vào tự nhiên với phương thức săn bắn hái lượm đặc trưng cho giai đoạn kinh tế chiếm đoạt, khai thác tự nhiên, nhờ và tự nhiên - Trong giai đoạn muộn đã xuất hiện mầm mống của nền kinh tế sản xuất. Sự cư trú tại các hang động và mái đá của người tiền sử là một bước lùi về không gian sống, nhưng chính điều đó lại là tiền đề cho bước tiến nhảy vọt tới một xã hội văn minh hơn.

CAVES AND STONE-ROOFS IN KARST AREAS WITH LIVING OF PRE-HISTORICAL MAN IN VIETNAM

Dr. Nguyễn Thế Hoa

Institute of Social Sciences

From an archaeological viewpoint, the caves and stone-roofs in karst areas have particular significance because they were a residence of the Pre-historical man. There are 117 the caves and the stone-roofs where Hoabinh Culture have discovered and 9 of which are the caves and 17 of which are the stone-roofs. The entrances of these caves are in different directions except the North and North-East ones. The Matters of Hoabinh. Culture earned their living by hunting and gathering. They have created their original culture.